

CHI CỤC KIỂM LÂM TỈNH LÀO CAI
BAN QUẢN LÝ KHU BTTN HOÀNG LIÊN VĂN BẢN

**HỒ SƠ KỸ THUẬT LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ
THUÊ MÔI TRƯỜNG RỪNG**

- 1. Nội dung:** Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Khu BTTN Hoàng Liên Văn Bản (Khu vực Sinh Cha Pao, Nam Cang Hô Tao)
- 2. Bên cho thuê:** Ban quản lý Khu BTTN Hoàng Liên Văn Bản
Địa chỉ: Thôn Tu Hạ, xã Nậm Xé, tỉnh Lào Cai
Người đại diện: Lò Văn Ngoan; chức vụ: Trưởng Ban
Điện thoại liên hệ: 0915.045.303
- 3. Số lượng điểm, Chương trình du lịch cho thuê:** 02 điểm du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, giải trí và 02 chương trình du lịch
- 4. Vị trí:** Trong phạm vi diện tích Khu BTTN Hoàng Liên Văn Bản thuộc địa giới hành chính xã Nậm Xé, tỉnh Lào Cai
- 5. Phê duyệt hồ sơ kỹ thuật:** Ngày 18 tháng 7 năm 2025
- 6. Phát hành hồ sơ kỹ thuật:** Ngày 18 tháng 7 năm 2025

Lào Cai, năm 2025

CHI CỤC KIỂM LÂM TỈNH LÀO CAI
BAN QUẢN LÝ KHU BTTN HOÀNG LIÊN VĂN BẢN

HỒ SƠ KỸ THUẬT LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ
THUÊ MÔI TRƯỜNG RỪNG

1. Nội dung: Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Khu BTTN Hoàng Liên Văn Bản (Khu vực Sinh Cha Pao, Nam Cang Hồ Tao)
2. Bên cho thuê: Ban quản lý Khu BTTN Hoàng Liên Văn Bản
Địa chỉ: Thôn Tu Hạ, xã Nậm Xé, tỉnh Lào Cai
Người đại diện: Lò Văn Ngoan; chức vụ: Trưởng Ban
Điện thoại liên hệ: 0915.045.303
3. Số lượng điểm, Chương trình du lịch cho thuê: 02 điểm du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, giải trí và 02 chương trình du lịch
4. Vị trí: Trong phạm vi diện tích Khu BTTN Hoàng Liên Văn Bản thuộc địa giới hành chính xã Nậm Xé, tỉnh Lào Cai
5. Phê duyệt hồ sơ kỹ thuật: Ngày 18 tháng 7 năm 2025
6. Phát hành hồ sơ kỹ thuật: Ngày 18 tháng 7 năm 2025

BÊN CHO THUÊ MTR
TRƯỞNG BAN



Lò Văn Ngoan

TƯ VẤN LẬP HSKT
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Công Văn

Lào Cai, năm 2025

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

BDL	Bảng dữ liệu
CDNDT	Chỉ dẫn nhà đầu tư
HSĐX	Hồ sơ đề xuất
HSKT	Hồ sơ kỹ thuật
MTR	Môi trường rừng
BTTN	Bảo tồn thiên nhiên
DLST	Du lịch sinh thái
DVHC	Dịch vụ hành chính
BVNN	Bảo vệ nghiêm ngặt
MTR	Môi trường rừng
Luật Đấu thầu	Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15
Luật Lâm nghiệp	Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017 của Quốc hội
Luật Đầu tư	Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội
Nghị định 156	Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp
Nghị định 91	Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm Nghiệp.
Quyết định 1367	Quyết định số 1367/QĐ-UBND ngày 29/04/2025 của UBND tỉnh Lào Cai về việc phê duyệt “Đề án Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Khu BTTN Hoàng Liên - Văn Bàn, giai đoạn 2022-2030”
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam

PHẦN 1. THỦ TỤC
CHƯƠNG I. CHỈ DẪN NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nội dung mời tham gia	1.1. Bên cho thuê Môi trường rừng với tên và địa chỉ quy định tại BDL mời nhà đầu tư quan tâm nộp HSDX đối với dự án được mô tả tại Phần 2 - Yêu cầu thực hiện dự án. 1.2. Yêu cầu về vốn chủ sở hữu và vốn vay của nhà đầu tư được quy định tại BDL. 1.3. Các thông tin cơ bản về dự án được nêu tại BDL.
2. Hành vi bị cấm	Hành vi bị cấm trong đấu thầu bao gồm các hành vi theo quy định tại Điều 16 Luật Đấu thầu.
3. Tư cách hợp lệ của nhà đầu tư	Nhà đầu tư độc lập hoặc từng thành viên liên danh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: 3.1. Là doanh nghiệp hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam. 3.2. Hạch toán tài chính độc lập. 3.3. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản; 3.4. Nhà đầu tư tham gia nộp HSDX độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với nhà thầu tư vấn, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bên cho thuê Môi trường rừng theo quy định tại khoản 4 Điều 5 của Luật Đấu thầu. Thông tin về các nhà thầu tư vấn theo BDL. 3.5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; 3.6. Không đang trong thời gian bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.
4. Nội dung HSKT	4.1. HSKT gồm có Phần 1, Phần 2 và các tài liệu sửa đổi, làm rõ HSKT theo quy định tại Mục 5 CDNDT (nếu có), trong đó gồm các nội dung sau đây: Phần 1. Thủ tục - Chương I. Chỉ dẫn nhà đầu tư - Chương II. Bảng dữ liệu - Chương III. Quy trình và tiêu chuẩn đánh giá HSDX - Chương IV. Biểu mẫu hồ sơ kỹ thuật Phần 2. Yêu cầu thực hiện dự án 4.2. Thông báo mời cho thuê môi trường rừng do bên cho thuê môi trường rừng phát hành hoặc cung cấp chỉ có tính chất thông báo, không phải là một phần của HSKT. 4.3. Bên cho thuê môi trường rừng không chịu trách nhiệm về tính không chính xác, không hoàn chỉnh của HSKT, tài liệu giải thích làm rõ HSKT, biên bản hội nghị trước khi mở HSDX (nếu có) hoặc các tài liệu sửa đổi HSKT không do bên cho thuê Môi trường rừng cung cấp. 4.4. Nhà đầu tư phải nghiên cứu tất cả thông tin chỉ dẫn, BDL, biểu

	mẫu, báo cáo tóm tắt dự án và các yêu cầu khác trong HSKT để chuẩn bị HSDX.
5. Làm rõ HSKT, hội nghị trước khi mở HSDX	5.1. Trong trường hợp cần làm rõ HSKT, nhà đầu tư phải gửi đề nghị làm rõ đến bên cho thuê Môi trường rừng bằng văn bản trước ngày có thời điểm kết thúc nhận HSDX tối thiểu 05 ngày làm việc. 5.2. Bên cho thuê Môi trường rừng phải làm rõ HSKT khi nhận được văn bản đề nghị làm rõ trong thời hạn nêu trên. Nội dung làm rõ HSKT được đăng tải trên website bên cho thuê Môi trường rừng trong khoảng thời gian tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày có thời điểm kết thúc nhận HSDX; trong đó có mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà đầu tư đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSKT thì bên cho thuê Môi trường rừng phải tiến hành sửa đổi HSKT theo thủ tục quy định tại Mục 7 CDNĐT.
6. Khảo sát hiện trường	6.1. Nhà đầu tư được tiếp cận, khảo sát hiện trường dự án cho thuê Môi trường rừng với điều kiện nhà đầu tư cam kết rằng bên cho thuê Môi trường rừng không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với nhà đầu tư trong việc khảo sát hiện trường này. Nhà đầu tư sẽ tự chịu trách nhiệm cho những rủi ro của mình như tai nạn, mất mát hoặc thiệt hại tài sản và bất kỳ chi phí nào khác phát sinh từ việc khảo sát hiện trường. 6.2. Nhà đầu tư cần thông báo trước cho bên cho thuê Môi trường rừng về việc đề xuất tổ chức khảo sát hiện trường dự án.
7. Sửa đổi HSKT	7.1. Việc sửa đổi HSKT được thực hiện trước thời điểm mở HSDX thông qua việc đăng tải văn bản sửa đổi HSKT trên website bên cho thuê Môi trường rừng. Văn bản sửa đổi HSKT, bao gồm cả quyết định sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi, được coi là một phần của HSKT. 7.2. Thời hạn đăng tải tài liệu sửa đổi HSKT theo quy định tại BDL. Trường hợp thời gian đăng tải tài liệu sửa đổi HSKT không đáp ứng theo quy định nêu trên thì bên cho thuê Môi trường rừng thực hiện gia hạn thời điểm mở HSDX tương ứng. Việc gia hạn được thực hiện theo quy định tại BDL.
8. Chi phí nộp HSDX	Nhà đầu tư phải chịu mọi chi phí liên quan đến việc chuẩn bị và nộp HSDX. Trong mọi trường hợp, bên cho thuê Môi trường rừng sẽ không phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự nộp HSDX của nhà đầu tư.
9. Ngôn ngữ của HSDX	HSDX cũng như tất cả các thư từ và tài liệu liên quan đến HSDX trao đổi giữa nhà đầu tư với bên cho thuê Môi trường rừng được viết bằng ngôn ngữ Tiếng Việt. Đối với các tài liệu nhà thầu có sử dụng ngôn ngữ khác thì phải có bản dịch tiếng Việt kèm theo.
10. Thành phần của HSDX	HSDX phải bao gồm các thành phần sau đây: 10.1. Đơn dự HSDX theo quy định tại Mục 11 CDNĐT;

	10.2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự HSDX theo quy định tại Mục 11 CDNĐT; 10.3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư theo quy định tại Mục 12 CDNĐT; 10.4. Đề xuất kỹ thuật theo quy định. 10.5. Các nội dung khác theo quy định tại BDL.
11. Đơn dự trong HSDX	11.1. Đối với nhà đầu tư độc lập, đơn dự HSDX phải được chuẩn bị theo Mẫu số 01 tại Chương IV - Biểu mẫu dự HSDX, được ký tên và đóng dấu (nếu có) bởi đại diện hợp pháp của nhà đầu tư. Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư là người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư hoặc người được đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư ủy quyền. Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư ủy quyền cho cấp dưới thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương IV; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương IV). Bản gốc giấy ủy quyền (lập theo Mẫu số 02 Chương IV) phải được gửi cho bên cho thuê Môi trường rừng cùng với đơn dự HSDX. 11.2. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự HSDX phải được chuẩn bị theo Mẫu số 01 tại Chương IV - Biểu mẫu dự HSDX, do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên đứng thầu liên danh theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Đại diện hợp pháp của thành viên liên danh là người đại diện theo pháp luật hoặc người được đại diện theo pháp luật ủy quyền. Trường hợp ủy quyền, thực hiện tương tự nhà đầu tư độc lập theo quy định tại Mục 11.1 CDNĐT.
12. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư	12.1. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà đầu tư theo quy định tại BDL. 12.2. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư bao gồm: a) Năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư được kê khai theo các Mẫu tại Phần B Chương IV - Biểu mẫu dự HSDX; b) Các tài liệu khác theo quy định tại BDL.
13. Bảo đảm tham dự thầu	13.1. Khi tham dự thầu, nhà đầu tư phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại BDL. 13.2. Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau: a) Từng thành viên liên danh sẽ thực hiện riêng bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn giá trị yêu cầu quy định tại Mục 13.1 CDNĐT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDX của liên danh đó sẽ

	không được xem xét, đánh giá tiếp. Trường hợp có thành viên trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 13.5 CDNĐT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả; b) Các thành viên liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho cả liên danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn giá trị yêu cầu theo quy định tại Mục 13.1 CDNĐT. Trường hợp có thành viên trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 13.5 CDNĐT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả. 13.3. Bảo đảm dự thầu được coi là hợp lệ theo quy định tại điểm d khoản 1.2 Mục 1 Chương III. 13.4. Trường hợp nhà đầu tư được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực. Nhà đầu tư không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu trong thời hạn tối đa theo quy định tại BDL. 13.5. Bảo đảm dự thầu không được hoàn trả trong các trường hợp sau đây: a) Sau thời điểm mở HSDX và trong thời gian có hiệu lực của HSDX, nhà đầu tư rút HSDX hoặc có văn bản từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDX theo yêu cầu của HSKT; b) Nhà đầu tư có hành vi vi phạm tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu. c) Nhà đầu tư không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng/ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu trừ trường hợp bất khả kháng;
14. Thời gian có hiệu lực của HSDX	14.1. HSDX phải có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn quy định tại BDL. HSDX có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá. 14.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, bên cho thuê môi trường rừng có thể đề nghị các nhà đầu tư gia hạn hiệu lực của HSDX, đồng thời yêu cầu nhà đầu tư gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của Bảo đảm tham dự HSDX (bằng thời gian có hiệu lực của HSDX sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nhà đầu tư chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDX.
15. Quy cách HSDX và chữ ký	15.1. Nhà đầu tư phải chuẩn bị HSDX bao gồm: 01 bản gốc HSDX và một số bản chụp HSDX theo số lượng quy định tại BDL.

trong HSDX	Trường hợp có sửa đổi, thay thế HSDX thì nhà đầu tư phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDX. 15.2. Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà đầu tư thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà đầu tư thì HSDX của nhà đầu tư bị loại. 15.3. Bản gốc của HSDX phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự HSDX, các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX (nếu có) và các biểu mẫu khác được lập theo quy định và phải được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên và đóng dấu (nếu có). 15.4. Trường hợp là nhà đầu tư liên danh thì các nội dung của HSDX quy định tại Mục 15.3 CDNĐT phải được đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc của thành viên đứng đầu liên danh theo phân công trách nhiệm tại thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Văn bản thỏa thuận liên danh phải được đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). 15.5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự HSDX.
16. Niêm phong và ghi bên ngoài HSDX	16.1. Bên ngoài túi đựng và trên trang bìa của các hồ sơ tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT”. Trường hợp nhà đầu tư có sửa đổi, thay thế HSDX thì phải được đựng trong các túi riêng biệt; bên ngoài túi đựng và trên trang bìa của các hồ sơ tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ”. Các túi đựng HSDX, HSDX sửa đổi, HSDX thay thế phải được niêm phong. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà đầu tư. 16.2. Trên túi đựng hồ sơ phải ghi đầy đủ các thông tin: a) Tên và địa chỉ của nhà đầu tư; b) Tên người nhận là tên bên cho thuê Môi trường rừng theo quy định tại Mục 1.1 CDNĐT; c) Tên dự án theo quy định tại Mục 1.3 CDNĐT; d) Dòng chữ cảnh báo: “không được mở trước thời điểm mở HSDX”. 16.3. Trong trường hợp HSDX gồm nhiều tài liệu, nhà đầu tư cần

	thực hiện việc đóng gói toàn bộ tài liệu sao cho việc tiếp nhận và bảo quản HSDX của bên cho thuê Môi trường rừng được thuận tiện, bảo đảm sự toàn vẹn của HSDX, tránh thất lạc, mất mát. 16.4. Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSKT này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDX trong quá trình chuyển đến bên cho thuê Môi trường rừng, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDX theo hướng dẫn quy định tại các Mục 16.1 và 16.2 CDNĐT. Bên cho thuê Môi trường rừng sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật thông tin của HSDX nếu nhà đầu tư không thực hiện đúng quy định nêu trên.
17. Thời điểm mở HSDX	17.1. Bên cho thuê Môi trường rừng tiếp nhận HSDX của tất cả nhà đầu tư nộp HSDX trước thời điểm mở HSDX. Nhà đầu tư phải trả cho bên cho thuê Môi trường rừng khoản tiền bằng giá bán HSKT theo quy định tại BDL trước khi HSDX được tiếp nhận. 17.2. Bên cho thuê Môi trường rừng có thể gia hạn thời điểm mở HSDX trong trường hợp sửa đổi HSKT theo quy định tại Mục 7 CDNĐT cũng như các trường hợp cần thiết khác hoặc gia hạn về việc tiếp tục nhận HSDX trong trường hợp chỉ có một nhà đầu tư đăng ký và đáp ứng yêu cầu của HSKT hoặc chỉ có một nhà đầu tư trúng HSDX theo quy định Mục 25 Mục 26 CDNĐT. 17.3. Khi gia hạn thời điểm mở HSDX, gia hạn về việc tiếp tục nhận HSDX, mọi trách nhiệm của bên cho thuê Môi trường rừng và nhà đầu tư theo thời điểm mở HSDX trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm mở HSDX mới được gia hạn. 17.3. Khi gia hạn thời điểm mở HSDX, gia hạn về việc tiếp tục nhận HSDX, bên cho thuê Môi trường rừng sẽ đăng tải trên Website bên cho thuê Môi trường rừng và gửi thông báo tới các nhà đầu tư đã nộp HSDX (nếu có). Khi thông báo, bên cho thuê Môi trường rừng sẽ ghi rõ thời điểm mở HSDX mới được gia hạn để nhà đầu tư có đủ thời gian sửa đổi hoặc bổ sung HSDX theo yêu cầu mới (nếu có). Nhà đầu tư đã nộp HSDX có thể nhận lại HSDX của mình để sửa đổi, bổ sung. Trường hợp nhà đầu tư chưa nhận lại hoặc không nhận lại HSDX thì bên cho thuê Môi trường rừng quản lý HSDX đó theo chế độ quản lý hồ sơ “mật”.
18. HSDX nộp muộn	Bên cho thuê Môi trường rừng sẽ không xem xét bất kỳ HSDX nào được nộp sau thời điểm hết hạn nộp HSDX. Bất kỳ HSDX nào mà bên cho thuê Môi trường rừng nhận được sau thời điểm hết hạn nộp HSDX sẽ bị tuyên bố là HSDX nộp muộn, bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà đầu tư.
19. Sửa đổi, thay thế và rút HSDX	19.1. Sau khi nộp HSDX, nhà đầu tư có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDX bằng cách gửi văn bản đề nghị do đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có) đến bên cho thuê Môi trường rừng. Nhà đầu tư phải gửi kèm theo các tài liệu theo quy định tại

	Mục 11 CDNĐT chứng minh tư cách hợp lệ của của người ký văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDX. 19.2. Hồ sơ sửa đổi hoặc thay thế HSDX phải được gửi kèm với văn bản đề nghị sửa đổi, thay thế và phải bảo đảm các điều kiện sau: a) Được nhà đầu tư chuẩn bị và nộp cho bên cho thuê Môi trường rừng theo quy định tại Mục 15 và Mục 16 CDNĐT; b) Được bên cho thuê Môi trường rừng tiếp nhận trước thời điểm mở HSDX theo quy định tại Mục 17 CDNĐT. 19.3. Văn bản đề nghị rút HSDX phải bảo đảm được bên cho thuê Môi trường rừng tiếp nhận trước thời điểm mở HSDX theo quy định tại Mục 17 CDNĐT. HSDX mà nhà đầu tư yêu cầu rút sẽ được trả lại cho nhà đầu tư.
20. Bảo mật	20.1. Bên cho thuê Môi trường rừng tiếp nhận và quản lý các HSDX đã nộp theo chế độ quản lý hồ sơ mật cho đến khi công khai kết quả HSDX. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDX của nhà đầu tư này cho nhà đầu tư khác, trừ thông tin được công khai khi mở HSDX. 20.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDX theo quy định tại Mục 21 CDNĐT, nhà đầu tư không được phép tiếp xúc với bên cho thuê Môi trường rừng về các vấn đề liên quan đến HSDX của mình và các vấn đề khác liên quan đến dự án trong suốt thời gian từ khi mở HSDX cho đến khi công khai kết quả HSDX.
21. Làm rõ HSDX	21.1. Trường hợp sau khi hết hạn nộp HSDX, nhà đầu tư phát hiện HSDX thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì nhà đầu tư được phép gửi tài liệu đến bên cho thuê Môi trường rừng để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình. Trong thời hạn theo quy định tại BDL, bên cho thuê Môi trường rừng có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà đầu tư để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi là một phần của HSDX. Bên cho thuê Môi trường rừng phải thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư về việc đã nhận được các tài liệu bổ sung làm rõ của nhà đầu tư bằng một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện. 21.2. Trong trường hợp phát hiện nhà đầu tư thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm thì bên cho thuê Môi trường rừng phải yêu cầu nhà đầu tư làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm. Nhà đầu tư có trách nhiệm, làm rõ HSDX theo yêu cầu của bên cho thuê Môi trường rừng. Tất cả yêu cầu làm rõ của bên cho thuê Môi trường rừng và phản hồi của nhà đầu tư phải được thực hiện bằng văn bản và được gửi theo một trong những cách sau: gửi trực tiếp, theo đường bưu điện. Việc làm rõ chỉ được thực hiện giữa bên cho thuê Môi trường rừng và nhà đầu tư có HSDX cần phải làm rõ. Tài

	liệu làm rõ HSDX được bên cho thuê Môi trường rừng bảo quản như một phần của HSDX. Việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của nhà đầu tư tham gia nộp HSDX. 21.3. Trong văn bản yêu cầu làm rõ phải quy định thời hạn làm rõ của nhà đầu tư (thời hạn này phải phù hợp với tiến độ thực hiện dự án đồng thời bảo đảm nhà đầu tư có đủ thời gian chuẩn bị các tài liệu làm rõ HSDX). Trường hợp quá thời hạn làm rõ mà bên cho thuê Môi trường rừng không nhận được văn bản làm rõ, hoặc nhà đầu tư có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của bên cho thuê Môi trường rừng thì bên cho thuê Môi trường rừng sẽ đánh giá HSDX của nhà đầu tư theo thông tin nêu tại HSDX nộp trước thời điểm hết hạn nộp HSDX.
22. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung	22.1. Khi đánh giá HSDX, bên cho thuê môi trường rừng, tổ chuyên gia phải kiểm tra các nội dung về kỹ thuật, tài chính của HSDX để xác định HSDX không có những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót các nội dung cơ bản, trong đó: a) “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu quy định tại HSKT; b) “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu quy định tại HSKT; c) “Bỏ sót nội dung” là việc nhà đầu tư không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu quy định tại HSKT. 22.2. Với điều kiện HSDX đáp ứng cơ bản yêu cầu quy định tại HSKT thì bên cho thuê môi trường rừng có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDX. 22.3. Với điều kiện HSDX đáp ứng cơ bản HSKT, bên cho thuê môi trường rừng có thể yêu cầu nhà đầu tư cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong một thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai khác không nghiêm trọng trong HSDX liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được làm ảnh hưởng đến đề xuất về hiệu quả sử dụng đất, hiệu quả đầu tư phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương của nhà đầu tư. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu của bên cho thuê môi trường rừng thì HSDX của nhà đầu tư sẽ bị loại.
23. Xác định tính đáp ứng của HSDX	23.1. Bên cho thuê môi trường rừng, tổ chuyên gia sẽ xác định tính đáp ứng của HSDX dựa trên nội dung của HSDX theo quy định tại Mục 10 CDNĐT. 23.2. HSDX đáp ứng cơ bản là HSDX đáp ứng các yêu cầu cơ bản nêu trong HSKT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung

	cơ bản là những điểm trong HSDX mà nếu được chấp thuận hoặc cho nhà đầu tư sửa đổi, bổ sung, thay thế sẽ: a) Gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay hiệu quả thực hiện dự án được quy định trong hợp đồng; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với HSKT về quyền hạn của người có thẩm quyền hoặc nghĩa vụ của nhà đầu tư trong hợp đồng; b) Gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà đầu tư khác có HSDX đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSKT. 23.3. Nếu HSDX không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSKT thì HSDX đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDX đó nhằm làm cho HSDX trở thành đáp ứng cơ bản HSKT.
24. Mở HSDX	24.1. Ngoại trừ trường hợp HSDX nộp muộn theo quy định tại Mục 18 và HSDX mà nhà đầu tư yêu cầu rút theo quy định tại Mục 19 CDNĐT, bên cho thuê Môi trường rừng phải mở công khai và đọc rõ các thông tin theo điểm b Mục 24.2 CDNĐT của tất cả HSDX đã nhận được trước thời điểm mở HSDX. Việc mở HSDX phải được tiến hành công khai theo thời gian và địa điểm quy định tại BDL trước sự chứng kiến của đại diện của các nhà đầu tư tham dự lễ mở HSDX và đại diện của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Việc mở HSDX không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà đầu tư tham dự HSDX. Chỉ có các HSDX được mở và đọc trong lễ mở HSDX mới được tiếp tục xem xét và đánh giá. 24.2. Việc mở HSDX được thực hiện đối với từng HSDX theo trình tự sau đây: a) Kiểm tra niêm phong; b) Mở bản gốc HSDX, HSDX sửa đổi (nếu có) hoặc HSDX thay thế (nếu có) và đọc rõ những thông tin sau: tên nhà đầu tư, hiệu lực của HSDX và các thông tin khác mà bên cho thuê Môi trường rừng thấy cần thiết; c) Đại diện của bên cho thuê Môi trường rừng phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự HSDX, giấy ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư (nếu có), thỏa thuận liên danh (nếu có). Bên cho thuê Môi trường rừng không được loại bỏ bất kỳ HSDX nào khi mở HSDX, trừ các HSDX nộp muộn theo quy định tại Mục 18 và HSDX mà nhà đầu tư yêu cầu rút theo quy định tại Mục 19 CDNĐT. 24.3. Đối với trường hợp rút HSDX Bên cho thuê Môi trường rừng sẽ mở và đọc rõ các thông tin văn bản đề nghị rút HSDX. HSDX của nhà đầu tư có đề nghị rút HSDX sẽ được trả lại cho nhà đầu tư. Bên cho thuê Môi trường rừng sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư rút HSDX và vẫn mở HSDX tương ứng nếu văn bản đề nghị rút HSDX không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư. 24.4. Đối với trường hợp sửa đổi HSDX

	Bên cho thuê Môi trường rừng sẽ tiến hành mở túi đựng và đọc rõ thông tin tại văn bản đề nghị sửa đổi HSDX, HSDX sửa đổi trước khi mở túi đựng và đọc rõ thông tin trong HSDX ban đầu của nhà đầu tư. Bên cho thuê Môi trường rừng sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư sửa đổi HSDX nếu văn bản đề nghị sửa đổi HSDX không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư. 24.5. Đối với trường hợp thay thế HSDX Bên cho thuê Môi trường rừng sẽ tiến hành mở túi đựng và đọc rõ thông tin tại văn bản đề nghị thay thế HSDX, HSDX thay thế. HSDX ban đầu sẽ được trả lại cho nhà đầu tư. Bên cho thuê Môi trường rừng sẽ không chấp nhận cho nhà đầu tư thay thế HSDX nếu văn bản đề nghị thay thế HSDX không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà đầu tư. 24.6. Bên cho thuê Môi trường rừng phải lập biên bản mở HSDX trong đó bao gồm các thông tin quy định tại Mục 24.2, 24.3, 24.4 và 24.5 CDNĐT. Đại diện của các nhà đầu tư tham dự lễ mở HSDX sẽ được yêu cầu ký vào biên bản. Việc thiếu chữ ký của nhà đầu tư trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở HSDX sẽ được gửi đến tất cả các nhà đầu tư tham dự HSDX.
25. Đánh giá HSDX và xếp hạng nhà đầu tư	25.1. Việc đánh giá HSDX thực hiện theo quy trình và tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương III - Quy trình và tiêu chuẩn đánh giá HSDX. 25.2. Việc xếp hạng nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại BDL. 25.3. Trường hợp chỉ có một tổ chức, cá nhân đủ điều kiện, chủ rừng tiến hành đàm phán, ký hợp đồng cho thuê môi trường rừng, bảo đảm giá thuê môi trường rừng không thấp hơn 1% tổng doanh thu thực hiện trong năm, thuộc phạm vi diện tích cho thuê môi trường rừng. Trường hợp có hai tổ chức, cá nhân trở lên đủ điều kiện thì chủ rừng lựa chọn tổ chức, cá nhân có số điểm đánh giá hồ sơ cao nhất; trong đó, yếu tố giá là một tiêu chí trong hồ sơ kỹ thuật, bảo đảm không thấp hơn 1% tổng doanh thu thực hiện trong năm, thuộc phạm vi diện tích cho thuê môi trường rừng Nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu của HSKT không phải nộp lại HSDX, trừ trường hợp sửa đổi nội dung HSKT.
26. Nguyên tắc xét duyệt nhà đầu tư được lựa chọn	Nhà đầu tư được xem xét, lựa chọn khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau: 26.1. Có HSDX hợp lệ; 26.2. Có tổng điểm đánh giá về năng lực, kinh nghiệm không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu, điểm đánh giá của từng nội dung yêu cầu cơ bản không thấp hơn mức điểm tối thiểu theo quy định tại Mục 2 Chương III - Quy trình và tiêu chuẩn đánh giá HSDX;

	26.3. Thuộc danh sách xếp hạng nhà đầu tư theo quy định tại Mục 26.2 CDNDT.
27. Công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư	Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư, bên cho thuê Môi trường rừng đăng tải thông tin về kết quả lựa chọn nhà đầu tư lên Website của bên cho thuê Môi trường rừng.
28. Đàm phán, hoàn thiện hợp đồng	28.1. Căn cứ kết quả lựa chọn nhà đầu tư, nhà đầu tư xếp thứ nhất được mời đàm phán, hoàn thiện hợp đồng theo thông báo chấp thuận HSDX và trao hợp đồng. 28.2. Việc đàm phán, hoàn thiện hợp đồng được thực hiện trên cơ sở: a) Báo cáo đánh giá HSDX; b) HSDX và các tài liệu làm rõ, sửa đổi HSDX (nếu có) của nhà đầu tư; c) HSKT và các tài liệu sửa đổi, bổ sung HSKT (nếu có); d) Tài liệu khác có liên quan. 28.3. Nguyên tắc đàm phán, hoàn thiện hợp đồng: a) Không tiến hành đàm phán, hoàn thiện hợp đồng đối với các nội dung mà nhà đầu tư đã chào thầu theo đúng yêu cầu của HSKT; b) Không được làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX. 28.4. Nội dung đàm phán, hoàn thiện hợp đồng: a) Đàm phán, hoàn thiện về những nội dung được đề xuất trong HSDX nhưng chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc còn khác nhau; nội dung chưa phù hợp, thống nhất giữa HSKT và HSDX có thể dẫn đến tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng; b) Đàm phán về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà đầu tư (nếu có) nhằm hoàn thiện các nội dung chi tiết của hợp đồng; c) Đàm phán về các nội dung khác liên quan đến dự án để có cơ sở xác lập các quy định về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hợp đồng; d) Các nội dung cần thiết khác. 28.5. Nhà đầu tư không được thay đổi, rút hoặc từ chối thực hiện các nội dung cơ bản đề xuất trong HSDX đã được bên cho thuê môi trường rừng đánh giá đáp ứng yêu cầu của HSKT, trừ trường hợp các thay đổi do nhà đầu tư đề xuất mang lại hiệu quả cao hơn cho dự án. 28.6. Trường hợp đàm phán, hoàn thiện hợp đồng không thành công, bên cho thuê môi trường rừng báo cáo người có thẩm quyền xem xét, quyết định hủy kết quả lựa chọn nhà đầu tư và mời nhà đầu tư xếp hạng tiếp theo đàm phán, hoàn thiện hợp đồng. Trường hợp đàm phán, hoàn thiện hợp đồng với các nhà đầu tư tiếp theo thành công, bên cho thuê môi trường rừng trình, thẩm định, phê

	duyet, công khai kết quả lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 28 và Điều 29 của Nghị định số 115/2024/NĐ-CP. Trường hợp đàm phán, hoàn thiện hợp đồng với các nhà đầu tư tiếp theo không thành công, bên cho thuê môi trường rừng báo cáo người có thẩm quyền xem xét.
29. Giải quyết kiến nghị	Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng, nhà đầu tư có quyền gửi đơn kiến nghị về các vấn đề trong quá trình HSDX, kết quả HSDX đến bên cho thuê Môi trường rừng, người có thẩm quyền theo địa chỉ quy định tại BDL . Việc giải quyết kiến nghị trong đấu thầu được thực hiện theo quy định tại Luật Đấu thầu.
30. Xử lý vi phạm trong đấu thầu, cho thuê Môi trường rừng	30.1. Tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đấu thầu và quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp hành vi vi phạm pháp luật về đấu thầu gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật. 30.2. Ngoài việc bị xử lý theo quy định tại Mục 30.1 CDNDT, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về đấu thầu còn bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu và đưa vào danh sách các nhà đầu tư vi phạm công khai trên Website bên cho thuê Môi trường rừng. 30.3. Trường hợp vi phạm dẫn tới bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu, nhà đầu tư vi phạm có thể bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với các dự án thuộc thẩm quyền quản lý của người có thẩm quyền hoặc trong một Bộ, ngành, địa phương hoặc trên phạm vi toàn quốc theo quy định tại khoản 3 Điều 90 Luật Đấu thầu. 30.4. Công khai xử lý vi phạm: a) Quyết định xử lý vi phạm được gửi cho tổ chức, cá nhân bị xử lý và các cơ quan, tổ chức liên quan, đồng thời gửi đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi, tổng hợp; b) Quyết định xử lý vi phạm được đăng tải trên Website bên cho thuê Môi trường rừng.
31. Giám sát, theo dõi quá trình HSDX	Người có thẩm quyền cử cá nhân hoặc đơn vị nêu tại BDL giám sát, theo dõi quá trình lựa chọn nhà đầu tư. Trường hợp nhà đầu tư phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà đầu tư có trách nhiệm thông báo với cá nhân hoặc đơn vị được phân công giám sát, theo dõi.

CHƯƠNG II. BẢNG DỮ LIỆU

CDNĐT 1.1	Tên và địa chỉ của Bên cho thuê Môi trường rừng: - Tên bên cho thuê: Ban quản lý Khu BTTN Hoàng Liên Văn Bàn - Đại diện: Ông Lò Văn Ngoan Chức vụ: Trưởng Ban - Địa chỉ: Thôn Tu Hạ, xã Nậm Xé, tỉnh Lào Cai - Điện thoại: 0915.045.303 - Email: ngoanoanhkhanh@gmail.com		
CDNĐT 1.2	Khái toán đầu tư của các Khu cho thuê môi trường rừng như sau:		
	Tên	Quy mô	Mức khái toán đầu tư (VNĐ)
	I. Các điểm DLST		
	1. Điểm phát triển DLST, nghỉ dưỡng Sinh Cha Pao, thuộc địa giới hành chính xã Nậm Xé, tỉnh Lào Cai Phân khu DVHC-IV	- Quy mô quy hoạch: 44,5 ha - Quy định về sử dụng đất xây dựng các công trình DLST: Diện tích xây dựng các công trình DLST trên đất chưa có rừng không quá: 2,2ha	4.400 triệu đồng
	2. Điểm phát triển DLST, nghỉ dưỡng đỉnh Nam Kang Ho Tao, thuộc địa giới hành chính xã Nậm Xé, Lào Cai, Phân khu DVHC-V	- Quy mô quy hoạch: 21,07 ha - Quy định về sử dụng đất xây dựng các công trình DLST: Diện tích xây dựng các công trình DLST trên đất chưa có rừng không quá: 1ha	1.200 triệu đồng
	II. Các chương (tuyến) DLST		
	1. Chốt bảo vệ rừng Nậm Khóa - Đỉnh Sinh Cha Pao (Gọi tắt là chương trình số 2)	Chiều dài chương trình: 14 km đi xuyên rừng, trong đó: Di chuyển trong ranh giới Khu bảo tồn là 12,5 km (Phân khu BVNN I là 11,9Km, phân khu DVHC IV là 0,6Km; đi qua 02 tiểu khu 473 và tiểu khu 462); Di chuyển trên đất rừng tự nhiên sản xuất của hộ gia đình là 1,5km đi qua tiểu khu 469B.	4.000 triệu đồng.
	2. Chốt bảo vệ rừng Nậm Khóa - Đỉnh Nam Kang Ho Tao (Gọi tắt là chương	12 km đi xuyên rừng, toàn bộ chương trình di chuyển trong ranh giới rừng đặc dụng, 11,75km nằm trên phân khu BVNN I, 0,25 km nằm trên	3.200 triệu đồng

	trình số 6)	phân khu DVHC V; đi qua các tiểu khu 473, 462, 447 (Chưa tính quảng đường di chuyển đến các điểm du lịch kết nối)		
	Tổng cộng		12.800 triệu đồng	
	Ghi chú: Mức khái toán nêu trên là mức đầu tư tối thiểu của dự án			
CDNĐT 1.3	Yêu cầu về vốn chủ sở hữu và vốn vay mà nhà đầu tư phải huy động: a) Vốn chủ sở hữu tối thiểu mà nhà đầu tư phải thu xếp: 15% tổng mức khái toán đầu tư cho từng dự án. b) Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay nhà đầu tư có khả năng thu xếp tối thiểu cho từng dự án cụ thể như sau: 12.800 triệu đồng.			
CDNĐT 1.3	Thông tin cơ bản của phạm vi cho thuê bao gồm: a) Nội dung: Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Khu BTTN Hoàng Liên Văn Bàn (Khu vực Sinh Cha Pao, Nam Cang Hồ Tào) b) Tên cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ký kết hợp đồng với nhà đầu tư: Ban quản lý Khu BTTN Hoàng Liên Văn Bàn c) Tên đơn vị chuẩn bị dự án: Ban quản lý Khu BTTN Hoàng Liên Văn Bàn d) Địa điểm, quy mô, công suất dự án, diện tích sử dụng môi trường rừng: theo mô tả tại Chương V. đ) Yêu cầu về kỹ thuật: theo mô tả tại Chương V. Vốn đầu tư của nhà nước tham gia thực hiện dự án: Không h) Loại hợp đồng dự án: Hợp đồng kinh tế cho thuê môi trường rừng đặc dụng để kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí i) Thời gian hợp đồng dự án: 30 năm.			
CDNĐT 3.4	- Nhà đầu tư tham nộp HSDX là doanh nghiệp thì phải không có cổ phần hoặc vốn góp với: + Đại diện cơ quan Nhà nước có thẩm quyền: Ban quản lý Khu BTTN Hoàng Liên Văn Bàn + Tư vấn lập HSKT, đánh giá HSDX: Công ty TNHH thương mại xây dựng Gia Văn (địa chỉ: Thôn 4, xã Thạch Thất, TP Hà Nội)			
CDNĐT 5.2	Hội nghị trước khi mở HSDX sẽ không được tổ chức.			
CDNĐT 6.1	Bên cho thuê Môi trường rừng sẽ không tổ chức khảo sát hiện trường cho nhà đầu tư. Trường hợp nhà đầu tư muốn được tiếp cận, khảo sát hiện trường dự án, để phục vụ quá trình làm HSDX, bên cho thuê Môi trường rừng sẽ bố trí cán bộ hỗ trợ nhà đầu tư. Bên cho thuê Môi trường rừng không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với nhà đầu tư hoặc các đại			

	diện/đối tác của nhà đầu tư trong việc khảo sát hiện trường này. Nhà đầu tư sẽ tự chịu trách nhiệm cho những rủi ro của mình như tai nạn, mất mát hoặc thiệt hại tài sản và bất kỳ chi phí nào khác phát sinh từ việc khảo sát hiện trường
CDNĐT 7.2	Tài liệu sửa đổi HSKT sẽ được gửi đến tất cả các nhà đầu tư đã nhận HSKT từ Bên cho thuê Môi trường rừng trước thời điểm mở HSDX tối thiểu 03 ngày. Trường hợp thời gian gửi văn bản sửa đổi HSKT không đáp ứng theo quy định thì Bên cho thuê Môi trường rừng thực hiện gia hạn thời điểm mở HSDX tương ứng.
CDNĐT 10.4	Nhà đầu tư phải nộp cùng với HSDX các tài liệu sau đây: Các tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm, năng lực tài chính, năng lực kỹ thuật
CDNĐT 12.1	Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà đầu tư: a) Đối với nhà đầu tư độc lập, phải cung cấp các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của mình như sau: Bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp. b) Đối với nhà đầu tư liên danh, phải cung cấp các tài liệu sau đây: - Các tài liệu nêu tại điểm a Mục này đối với từng thành viên liên danh; - Văn bản thỏa thuận liên danh giữa các thành viên theo Mẫu số 03 tại Chương IV - Biểu mẫu dự HSDX.
CDNĐT 12.2 (b)	Nhà đầu tư phải nộp cùng với HSDX các tài liệu sau đây: Bản chụp một trong các tài liệu sau đây: - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập, hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp; các tài liệu chứng minh nhà đầu tư là các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế (trừ các Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, vốn liên doanh với nước ngoài và tổ chức, cá nhân là người nước ngoài hoặc Việt kiều). - Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán hoặc được cơ quan thuế xác nhận. Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm thì sử dụng báo cáo tài chính đã được kiểm toán từ thời điểm thành lập đến thời điểm tối đa 28 ngày trước ngày có thời điểm mở HSDX; đồng thời, đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ phải có văn bản cam kết và báo cáo tài chính chứng minh đảm bảo đủ vốn chủ sở hữu để góp vốn theo phương án tài chính của dự án. - Các tài liệu khác chứng minh nhà đầu tư hạch toán tài chính độc lập.

	b) Đối với nhà đầu tư liên danh, phải cung cấp các tài liệu sau đây: - Các tài liệu nêu tại Điểm a Mục này đối với từng thành viên trong liên danh; - Văn bản thỏa thuận liên danh giữa các thành viên theo Mẫu PL 03 tại Chương IV - Biểu mẫu dự HSDX.
CDNĐT 17.1	- Hình thức bảo đảm dự thầu: Thực hiện bằng một trong các hình thức sau đây: (i) Đặt cọc; (ii) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam. Nhà đầu tư được nộp thư bảo lãnh để bảo đảm trách nhiệm khi tham dự thầu. Thư bảo lãnh phải được lập theo Mẫu số 10 Chương IV hoặc theo một hình thức khác tương tự nhưng phải bao gồm đầy đủ các nội dung cơ bản của bảo lãnh dự thầu. - Giá trị bảo đảm dự thầu cụ thể là: 128 triệu đồng. - Thời hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu là 120 ngày kể từ ngày hết hạn tiếp nhận HSDX.
CDNĐT 18.1	Thời hạn hiệu lực của HSDX là: 90 ngày kể từ ngày có thời điểm mở HSDX.
CDNĐT 19.1	Số lượng bản chụp HSDX là: 02 bản. Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDX thì nhà đầu tư phải nộp các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDX.
CDNĐT 21.1	Thời điểm hết hạn tiếp nhận HSDX là: 10 giờ 30 phút, ngày 16 tháng 8 năm 2025.
CDNĐT 25.1	Thời hạn nhà đầu tư được phép chủ động gửi tài liệu đến bên cho thuê Môi trường rừng để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình: 03 ngày kể từ ngày có thời điểm mở HSDX.
CDNĐT 28.1	Thời điểm mở HSDX là: 11 giờ 00 phút, ngày 16 tháng 8 năm 2025. Địa điểm mở HSDX theo địa chỉ như sau: tại phòng họp của Ban quản lý Khu BTTN Hoàng Liên Văn Bàn
CDNĐT 29	HSDX của nhà đầu tư có số điểm kỹ thuật cao nhất được xếp thứ nhất. Trường hợp chỉ có một tổ chức, cá nhân đủ điều kiện, chủ rừng tiến hành đàm phán, ký hợp đồng cho thuê môi trường rừng, bảo đảm giá thuê môi trường rừng không thấp hơn 1% tổng doanh thu thực hiện trong năm, thuộc phạm vi diện tích cho thuê môi trường rừng. Trường hợp có hai tổ chức, cá nhân trở lên đủ điều kiện thì chủ rừng lựa chọn tổ chức, cá nhân có số điểm đánh giá hồ sơ cao nhất; trong đó, yếu tố giá là một tiêu chí trong hồ sơ kỹ thuật, bảo đảm không thấp

	hơn 1% tổng doanh thu thực hiện trong năm, thuộc phạm vi diện tích cho thuê môi trường rừng
CDNĐT 25	Địa chỉ nhận đơn kiến nghị: a) Địa chỉ của Bên cho thuê Môi trường rừng: - Tên bên cho thuê Môi trường rừng: Ban quản lý Khu BTTN Hoàng Liên Văn Bàn - Đại diện: Ông Lò Văn Ngoan Chức vụ: Trưởng Ban - Địa chỉ Thôn Tu Hạ, xã Nậm Xé, tỉnh Lào Cai - Điện thoại: 0915.045.303 - Email: ngoanoanhkhanh@gmail.com
CDNĐT 26	Thông tin của cá nhân, đơn vị được giao nhiệm vụ giám sát, theo dõi: Bộ phận Kế hoạch kỹ thuật - Ban quản lý Khu BTTN Hoàng Liên Văn Bàn

CHƯƠNG III. QUY TRÌNH VÀ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX

Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ HSĐX

1.1. Kiểm tra HSĐX

- a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSĐX;
- b) Kiểm tra các thành phần của bản gốc HSĐX, bao gồm: Đơn dự HSĐX; thỏa thuận liên danh (nếu có); tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn dự HSĐX; giấy ủy quyền (nếu có); thỏa thuận liên danh (nếu có); tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của nhà đầu tư và các nội dung khác thuộc HSĐX theo quy định tại Mục 10 CDNĐT;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá HSĐX.

1.2. Đánh giá tính hợp lệ HSĐX

HSĐX của nhà đầu tư được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSĐX;
- b) Có đơn dự HSĐX hợp lệ, được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSKT. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự HSĐX phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

Đơn dự HSĐX được coi là không hợp lệ nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu (nếu có), không được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc thành viên được phân công thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) đối với trường hợp liên danh;
- Được ký trước khi bên cho thuê môi trường rừng phát hành HSKT, ký trước khi có giấy ủy quyền ký đơn dự thầu (nếu có), ký trước khi ký thỏa thuận liên danh đối với trường hợp liên danh;
- Kèm theo điều kiện gây bất lợi cho cơ quan có thẩm quyền, bên cho thuê môi trường rừng hoặc bỏ sót các nội dung quan trọng nêu trong Mẫu đơn dự HSĐX dẫn đến không bảo đảm toàn bộ trách nhiệm và cam kết của nhà đầu tư trong quá trình dự thầu và thực hiện hợp đồng nếu được công nhận trúng thầu.

- c) Thời hạn hiệu lực của HSĐX đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 13 CDNĐT;

- d) Nhà đầu tư không có tên trong hai hoặc nhiều HSĐX với tư cách là nhà đầu tư độc lập hoặc thành viên trong liên danh;

- e) Trường hợp liên danh, có thỏa thuận liên danh hợp lệ, được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có). Thỏa thuận liên danh phải nêu rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV;

g) Nhà đầu tư không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

h) Nhà đầu tư bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 CDNĐT.

i) Có bảo đảm dự thầu với giá trị và thời hạn hiệu lực đáp ứng yêu cầu theo quy định tại mục 13 CDNĐT. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không phải là bản gốc và không được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có);

- Được ký trước khi bên mời thầu phát hành HSKT, ký trước khi có giấy ủy quyền ký thư bảo lãnh dự thầu (nếu có), ký trước khi ký thỏa thuận liên danh đối với trường hợp liên danh;

- Có giá trị bảo lãnh thấp hơn, thời hạn có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu của HSKT; tên, địa chỉ của đơn vị thụ hưởng bảo lãnh không đúng theo yêu cầu của HSKT;

- Kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu; bỏ sót nội dung quan trọng nêu trong Mẫu thư bảo lãnh dự thầu dẫn đến không bảo đảm toàn bộ trách nhiệm của nhà đầu tư trong quá trình tham dự thầu hoặc dẫn đến bên mời thầu không thu được giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp quy định;

Nhà đầu tư có HSDX được coi là “Hợp lệ” khi tất cả điều kiện được đánh giá là “Đáp ứng”. HSDX của nhà đầu tư được coi là “Không hợp lệ” khi bất kỳ một điều kiện được đánh giá là “Không đáp ứng” và khi đó, HSDX của nhà đầu tư sẽ bị loại. Nhà đầu tư có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá bước tiếp theo..

Mục 2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, phương án đầu tư

2.1. Phương pháp đánh giá

Việc đánh giá năng lực, kinh nghiệm và phương án đầu tư sử dụng phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100; trong đó, mức yêu cầu tối thiểu để đáp ứng yêu cầu là 70% tổng số điểm.

Đối với nhà đầu tư liên danh:

- Vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư liên danh bằng tổng vốn chủ sở hữu của các thành viên liên danh, từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu tương ứng với phần góp vốn chủ sở hữu theo thỏa thuận liên danh. Nhà đầu tư đứng đầu liên danh phải có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 30%, từng thành viên liên danh có tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 15%;

- Vốn vay của nhà đầu tư liên danh bằng tổng vốn vay của các thành viên liên danh;

- Kinh nghiệm thực hiện các dự án tương tự của nhà đầu tư liên danh bằng tổng số dự án của các thành viên liên danh đã thực hiện.

2.2. Tiêu chuẩn đánh giá

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm và phương án đầu tư của nhà đầu tư được thực hiện theo Bảng 1 dưới đây:

Bảng số 1:

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu
1	Năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư	25		17,5	
1.1	Năng lực tài chính	10		7	
a	Vốn chủ sở hữu	5		3,5	Vốn chủ sở hữu yêu cầu tối thiểu của từng dự án như sau: 1.920 triệu đồng
	Nhà đầu tư có vốn chủ sở hữu lớn hơn yêu cầu vốn chủ sở hữu tối thiểu đối với dự án.		5		
	Nhà đầu tư có vốn chủ sở hữu bằng với yêu cầu vốn chủ sở hữu tối thiểu đối với dự án.		3,5		
	Nhà đầu tư có vốn chủ sở hữu nhỏ hơn với yêu cầu vốn chủ sở hữu tối thiểu đối với dự án.		0		
b	Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay có khả năng huy động	5		3,5	Tổng giá trị vốn yêu cầu tối thiểu của từng dự án như sau: 12.800 triệu đồng.
	Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay có khả năng huy động lớn hơn yêu cầu tổng giá trị vốn tối thiểu đối với dự án.		5		
	Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay có khả năng huy động bằng yêu cầu tổng giá trị vốn tối thiểu đối với dự án.		3,5		

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu
	Tổng giá trị vốn chủ sở hữu và vốn vay có khả năng huy động nhỏ hơn yêu cầu tổng giá trị vốn tối thiểu đối với dự án.		0		
1.2	Kinh nghiệm của nhà đầu tư	10		7	
a	Doanh nghiệp hoạt động với ngành nghề kinh doanh phù hợp	4		2,8	(i) Doanh nghiệp đã hoặc đang tham gia quản lý, khai thác, vận hành mô hình du lịch sinh thái tại các địa phương trên phạm vi cả nước. (ii) Doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, có giấy phép đăng ký kinh doanh hành nghề có nội dung liên quan đến quản lý, khai thác, vận hành du lịch, lễ hành.
	Nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu (i) và (ii) nêu trên.		4		
	Nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu (i) hoặc (ii) nêu trên.		2,8		
	Nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu (i) và (ii) nêu trên.		0		
b	Kinh nghiệm hợp đồng tương tự	6		4,2	Nhà đầu tư đã ký tối thiểu 01 hợp đồng thuê môi trường rừng trong nước với nội dung thuê môi trường rừng thực hiện dự án du lịch, nghỉ dưỡng, giải trí. Nhà đầu tư tham gia với tư cách là nhà đầu tư chính hoặc thành viên liên danh.

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu
					Trường hợp nhà đầu tư tham dự nhiều dự án thì năng lực được tính cho dự án có quy mô lớn nhất. Đối với nhà đầu tư chưa có hợp đồng thuê môi trường rừng thì nhà đầu tư phải lập kế hoạch kinh doanh, quản lý, vận hành và khai thác phù hợp với đề xuất cách thức triển khai dự án
	Nhà đầu tư có ≥ 01 hợp đồng thuê môi trường rừng.		6		
	Nhà đầu tư không có hợp đồng thuê môi trường rừng nhưng có phương án kinh doanh đáp ứng yêu cầu.		4,2		
	Nhà đầu tư không có hợp đồng thuê môi trường rừng và không có phương án kinh doanh đáp ứng yêu cầu.		0		
1.3	Yêu cầu về nhân sự chủ chốt	5		3,5	Nhà đầu tư có tối thiểu các nhân sự có chuyên môn phù hợp để thực hiện dự án như sau: - 01 nhân sự tốt nghiệp đại học trở lên về lĩnh vực lâm nghiệp; - 01 nhân sự tốt nghiệp đại học trở lên về lĩnh vực Quản lý đất đai; - 01 nhân sự tốt nghiệp đại học trở lên về lĩnh vực Kiến

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu
					trúc; - 01 nhân sự tốt nghiệp đại học trở lên về lĩnh vực Tài chính - Kế toán; - 01 nhân sự tốt nghiệp đại học trở lên về lĩnh vực môi trường; - 01 nhân sự tốt nghiệp đại học trở lên về lĩnh vực Quản trị du lịch;
	Có đầy đủ các nhân sự nêu trên và các nhân sự đều có tổng số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đào tạo ≥ 5 năm kể từ năm tốt nghiệp đại học.		5		
	Có đầy đủ các nhân sự nêu trên và các nhân sự đều có tổng số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đào tạo ≥ 3 năm kể từ năm tốt nghiệp đại học.		3,5		
	Không có đầy đủ hoặc Có đầy đủ các nhân sự nêu trên và các nhân sự đều có tổng số năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đào tạo ≤ 01 năm kể từ năm tốt nghiệp đại học.		0		
2	Đánh giá về phương án tổ chức	40		28	
2.1	Hiện trạng tài nguyên thiên nhiên Khu	5		3,5	Trình bày bao gồm nhưng không giới hạn bởi các nội

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu
	vực cho thuê môi trường rừng				dung sau: - Địa giới hành chính; tiểu khu; diện tích thuê môi trường rừng. - Độ cao so với mặt nước biển; đá mẹ; đất chủ yếu của khu vực. - Nhiệt độ bình quân năm, lượng mưa trung bình, độ ẩm trung bình/năm của khu vực, thủy văn - Đất đai (Loại rừng, diện tích, loài cây chủ yếu, diện tích chưa thành rừng) - Thảm thực vật (Kiểu thảm thực vật, loài cây chủ yếu trong các kiểu thảm thực vật) - Các hệ sinh thái chính - Cấu trúc rừng - Các loài động vật, côn trùng chủ yếu - Hiện trạng cơ sở hạ tầng: Các công trình giao thông, điện, nước... - Các công trình, các hoạt động du lịch
	Nhà đầu tư trình bày đầy đủ các nội dung, các nội dung phải chi tiết và phù hợp với điều kiện thực hiện dự án.		5		
	Nhà đầu tư trình bày đầy đủ các nội dung, các nội dung phải còn sơ sài nhưng phù hợp		3,5		

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu
	với điều kiện thực hiện dự án.				
	Nhà đầu tư không trình bày hoặc trình bày nhưng không đầy đủ các nội dung/nội dung không phù hợp với điều kiện thực hiện dự án.		0		
2.2	Phương án tổ chức, kinh doanh phù hợp với đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của Dự án Khu cho thuê môi trường rừng	20		14	
a	Phương án phát triển các điểm du lịch	5			Trình bày bao gồm nhưng không giới hạn bởi các nội dung sau: - Vị trí, diện tích: Bố trí tại các khoảng, tiểu khu và thể hiện trên bản đồ; Diện tích các khu vực phát triển điểm du lịch. - Hiện trạng khu vực bố trí các điểm du lịch: thuyết minh có thể hiện được hiện trạng rừng, khoảng trống bố trí các điểm du lịch. - Mục đích tổ chức thực hiện. Toàn bộ các nội dung trên phải phù hợp với đề án tại Quyết định 1367 của UBND tỉnh và tuân thủ theo quy định tại Luật Lâm nghiệp, Nghị định 156, Nghị định 91.
	Nhà đầu tư trình bày đầy đủ các nội dung,		5		

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu
	các nội dung phải chi tiết và phù hợp với điều kiện thực hiện dự án, quy định.				
	Nhà đầu tư trình bày đầy đủ các nội dung, các nội dung phải còn sơ sài nhưng phù hợp với điều kiện thực hiện dự án, quy định.		3,5		
	Nhà đầu tư không trình bày hoặc trình bày nhưng không đầy đủ các nội dung/nội dung không phù hợp với điều kiện thực hiện dự án/quy định.		0		
b	Địa điểm, quy mô xây dựng các điểm du lịch trong Khu cho thuê môi trường rừng	10			Trình bày bao gồm nhưng không giới hạn bởi các nội dung sau: - Đưa ra cụ thể địa điểm, quy mô xây dựng. - Có bản vẽ sơ bộ kích thước quy mô xây dựng và được thể hiện trên bản đồ. Toàn bộ các nội dung trên phải phù hợp với đề án tại Quyết định 1367 của UBND tỉnh và tuân thủ theo quy định tại Luật Lâm nghiệp, Nghị định 156, Nghị định 91.
	Nhà đầu tư trình bày đầy đủ các nội dung, các nội dung phải chi tiết và phù hợp với điều kiện thực hiện dự án, quy định.		10		

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu
	Nhà đầu tư trình bày các nội dung nhưng thiếu không quá 2 điểm xây dựng, các nội dung phải chi tiết và phù hợp với điều kiện thực hiện dự án, quy định.		7		
	Nhà đầu tư không trình bày hoặc trình bày nhưng không đầy đủ các nội dung/nội dung không phù hợp với điều kiện thực hiện dự án/quy định.		0		
c	Vật liệu xây dựng, cấu trúc các công trình xây dựng phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí	5			Toàn bộ các nội dung trên phải phù hợp với đề án tại Quyết định 1367 của UBND tỉnh và tuân thủ theo quy định tại Luật Lâm nghiệp, Nghị định 156, Nghị định 91, QCVN, TCVN.
	Nhà đầu tư đề xuất vật liệu xây dựng, cấu trúc các công trình xây dựng phù hợp, đúng theo quy định hiện hành.		5		
	Nhà đầu tư không đề xuất hoặc đề xuất vật liệu xây dựng, cấu trúc các công trình xây dựng nhưng không phù hợp, đúng theo quy định hiện hành.		0		
2.3	Các loại bản đồ theo hệ quy chiếu VN2000	10		7	

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu
a	Bản đồ hiện trạng	5			Phải phù hợp với đề án tại Quyết định 1367 của UBND tỉnh và tuân thủ theo quy định tại Luật Lâm nghiệp, Nghị định 156, Nghị định 91, QCVN, TCVN.
	Nhà đầu tư có bản đồ tỷ lệ 1/20.000 hiện trạng tài nguyên thiên nhiên, du lịch trong khu vực đề nghị thuê Môi trường rừng phù hợp		5		
	Nhà đầu tư không có hoặc có bản đồ hiện trạng tài nguyên thiên nhiên, du lịch trong khu vực đề nghị thuê Môi trường rừng nhưng không phù hợp		3,5		
b	Bản đồ quy hoạch	5			Phải phù hợp với đề án tại Quyết định 1367 của UBND tỉnh và tuân thủ theo quy định tại Luật Lâm nghiệp, Nghị định 156, Nghị định 91, QCVN, TCVN.
	Nhà đầu tư có bản đồ quy hoạch các điểm du lịch, tổ chức không gian kiến trúc và hạ tầng du lịch trong khu vực đề nghị thuê Môi trường rừng phù hợp		5		
	Nhà đầu tư không có hoặc có bản đồ quy		3,5		

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu
	hoạch các điểm du lịch, tổ chức không gian kiến trúc và hạ tầng du lịch trong khu vực đề nghị thuê Môi trường rừng nhưng không phù hợp				
3	Phương án đầu tư tài chính, dự kiến nguồn thu và phương án giá thuê môi trường rừng	20		14	
3.1	Đề xuất tổng mức đầu tư của dự án và sơ bộ giá trị các hạng mục, cấu phần xây dựng	4			
	Nhà đầu tư có đề xuất tổng mức đầu tư của dự án và sơ bộ giá trị các hạng mục, cấu phần xây dựng tương đối phù hợp, khả thi.		4		
	Nhà đầu tư không hoặc có đề xuất tổng mức đầu tư của dự án và sơ bộ giá trị các hạng mục, cấu phần xây dựng tương đối nhưng không phù hợp/ khả thi		0		
3.2	Dự kiến doanh thu các loại hình phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của dự án	4			
	Nhà đầu tư có dự kiến doanh thu các loại		4		

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu
	hình phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của dự án tương đối phù hợp, khả thi				
	Nhà đầu tư không hoặc có Dự kiến doanh thu các loại hình phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí của dự án không phù hợp/khả thi		0		
3.3	Giá thuê môi trường rừng	4		2,8	
	Nhà đầu tư đề xuất giá thuê Môi trường rừng lớn hơn 1%/năm		4		
	Nhà đầu tư đề xuất giá thuê Môi trường rừng bằng 1%/năm		2,8		
	Nhà đầu tư đề xuất giá thuê Môi trường rừng nhỏ hơn 1%/năm		0		
3.4	Giá thuê môi trường rừng trong trường hợp các năm không có doanh thu trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư	4		4	
	Nhà đầu tư có đề xuất giá thuê môi trường rừng khả thi và phù hợp theo quy định.		4		

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu
	Nhà đầu tư không có hoặc có đề xuất giá thuê môi trường rừng nhưng không khả thi/ phù hợp theo quy định.		0		
4	Phương án xử lý tài sản sau khi hết thời gian hợp đồng thuê môi trường rừng	5		3,5	
	Nhà đầu tư có đề xuất phương án chi tiết, khả thi và phù hợp với quy định hiện hành.		5		
	Nhà đầu tư có đề xuất phương án khả thi và phù hợp với quy định hiện hành nhưng còn sơ sài		3,5		
	Nhà đầu tư không hoặc có đề xuất phương án nhưng không chi tiết/khả thi/phù hợp với quy định hiện hành.		0		
5	Cam kết thời gian thực hiện dự án, thời gian khai thác, phát sinh doanh thu	3		3	
	Nhà đầu tư có cam kết thời gian thực hiện dự án, thời gian khai thác, phát sinh doanh thu		3		
	Nhà đầu tư không có cam kết thời gian thực hiện dự án, thời gian khai thác, phát sinh doanh thu		0		

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Điểm yêu cầu tối thiểu	Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu
6	Đề xuất quản lý rừng bền vững	6		4,2	
a	Phương án bảo vệ môi trường khu vực đề nghị thuê môi trường rừng	3			
	Nhà đầu tư có đề xuất phương án khả thi và phù hợp theo quy định.		3		
	Nhà đầu tư không hoặc có đề xuất phương án nhưng không khả thi/phù hợp theo quy định.		0		
b	Các giải pháp bảo vệ phát triển rừng; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường và duy trì các chức năng của rừng	3			
	Nhà đầu tư có đề xuất phương án khả thi và phù hợp theo quy định.		3		
	Nhà đầu tư không hoặc có đề xuất phương án nhưng không khả thi/phù hợp theo quy định.		0		
	Tổng cộng	100		70	

Ghi chú:

1. Nhà đầu tư phải kê khai năng lực tài chính theo mẫu tại Chương IV - Biểu mẫu dự HSĐX, trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh phải kê khai theo mẫu.

2. Giá trị tài sản ròng

(a) Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ - Chi phí liên quan đến kiện tụng. Giá trị tài sản ròng hàng năm đánh giá khả năng sinh lợi của doanh nghiệp trong năm đó cũng như khả năng chịu lỗ của doanh nghiệp.

Trong đó “Chi phí liên quan đến kiện tụng” bao gồm:

- Giá trị tranh chấp: Là giá trị tranh chấp kiện tụng đã được giải quyết đến ngày nộp HSĐX và có thể có tác động tài chính mà chưa được cân nhắc trong các báo cáo tài chính đã kiểm toán được sử dụng để ước tính giá trị Tổng tài sản - Tổng nợ.

- Chi phí đã sử dụng cho tranh chấp kiện tụng đến ngày nộp HSĐX và tác động của các chi phí đó chưa được cân nhắc trong các báo cáo tài chính đã kiểm toán được sử dụng để ước tính giá trị Tổng tài sản - Tổng nợ.

(b) Trường hợp tại thời điểm nộp HSĐX, nhà đầu tư chưa có đầy đủ thông tin về kết quả của vụ kiện đang giải quyết thì nhà đầu tư vẫn kê khai thông tin về những vụ kiện tụng này; đồng thời đến thời điểm nộp HSĐX, nếu nhà đầu tư được chọn cho thuê Môi trường rừng, thì nhà đầu tư phải cung cấp thông tin về kết quả của vụ kiện để làm cơ sở cập nhật lại năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư.

Yêu cầu này cũng áp dụng đối với những hợp đồng mà trong đó nhà đầu tư dự HSĐX đã thực hiện với vai trò thành viên liên danh.

3. Vốn chủ sở hữu: Theo quy định tại Điều 77, Luật đầu tư theo hình thức đối tác công tư.

(a) Vốn chủ sở hữu còn lại của nhà đầu tư được xác định theo Báo cáo tài chính của năm gần nhất đã được đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán và Báo cáo tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư/Thành viên liên danh đến thời điểm 28 ngày trước ngày mở HSĐX.

Trong trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, thì vốn chủ sở hữu còn lại của nhà đầu tư được xác định căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán từ thời điểm thành lập đến thời điểm 28 ngày trước ngày mở HSĐX; đồng thời đại diện chủ sở hữu hoặc công ty mẹ phải có văn bản cam kết về đảm bảo đủ vốn chủ sở hữu theo phương án tài chính của dự án.

Trường hợp tại cùng một thời điểm, nhà đầu tư tham gia nhiều dự án hoặc các khoản đầu tư dài hạn khác thì nhà đầu tư phải lập danh sách các dự án và các khoản đầu tư dài hạn khác và đảm bảo Tổng vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư đáp ứng tất cả các cam kết vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư để thực hiện tất cả các dự án và các khoản đầu tư dài hạn khác theo quy định. Theo đó, Vốn chủ sở hữu còn lại sẽ được xác định như sau:

Vốn chủ sở hữu còn lại = Giá trị tài sản ròng - Vốn chủ sở hữu cam kết cho các dự án đang thực hiện, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết,... và các khoản đầu tư dài hạn khác (nếu có) cho đến thời điểm 28 ngày trước ngày mở HSĐX - Vốn chủ sở hữu dùng riêng cho phân bổ hoặc theo yêu cầu pháp lý quy định với nhà đầu tư - Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo yêu cầu dự phòng đặc biệt cho các trường hợp có thể xảy ra - Vốn chủ sở hữu khác được cam kết sẽ hoàn lại và không dùng cho tuyên bố cổ tức.

4. Nhà đầu tư phải cung cấp Báo cáo tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu theo yêu cầu tại mẫu tại Chương IV - Biểu mẫu dự HSĐX.

5. Nhà đầu tư phải cung cấp cam kết nguồn cung cấp tài chính, tín dụng (bao gồm phần vốn chủ sở hữu cam kết góp vào dự án và phần vốn vay nhà đầu tư phải huy động)

theo mẫu tại Chương IV - Biểu mẫu dự HSDX. Đối với phần vốn vay nhà đầu tư phải huy động, nhà đầu tư phải cung cấp Văn bản cam kết cung cấp tài chính của ngân hàng (hoặc tổ chức tín dụng) theo đúng mẫu tại Chương IV - Biểu mẫu dự HSDX và các tài liệu liên quan khác theo yêu cầu tại phần ghi chú của mẫu.

6. Đối với kinh nghiệm nhà đầu tư:

- Nhà đầu tư phải cung cấp kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự theo mẫu tại Chương IV - Biểu mẫu dự HSDX và cung cấp xác nhận của Cơ quan có thẩm quyền theo từng loại dự án như quy định tại biểu mẫu tại Chương IV - Biểu mẫu dự HSDX.

- Nhà đầu tư chỉ được kê khai kinh nghiệm thực hiện một dự án tương tự một lần duy nhất (tham gia với tư cách độc lập hoặc thành viên liên danh) dù nhà đầu tư có thể nắm giữ nhiều vai trò trong dự án được kê khai. Nhà đầu tư không được kê khai kinh nghiệm thực hiện một dự án tương tự thành các loại dự án khác nhau. Không xét kinh nghiệm các công ty liên kết hoặc công ty con của nhà đầu tư.

7. Nhà đầu tư đề xuất phương pháp triển khai thực hiện dự án sơ bộ, năng lực triển khai dự án và cam kết thực hiện dự án theo mẫu tại Chương IV - Biểu mẫu dự HSDX để phục vụ công tác đánh giá HSDX.

8. Để phục vụ công tác đánh giá, tất cả các giá trị và số liệu, kể cả điểm số đánh giá sẽ được làm tròn đến 02 số thập phân (ví dụ: 12,675 làm tròn là 12,68; 10,694 làm tròn là 10,69).

9. Nhà đầu tư sẽ được xếp hạng trên cơ sở tổng điểm đánh giá nếu đáp ứng mức yêu cầu tối thiểu về tổng điểm đánh giá (70 điểm) và điểm đánh giá của từng nội dung phải đảm bảo điểm yêu cầu tối thiểu theo quy định tại Bảng tiêu chuẩn đánh giá năng lực, kinh nghiệm nêu trên.

10. Yêu cầu để đạt mức điểm yêu cầu tối thiểu trong trường hợp nhà đầu tư là liên danh:

(a) *Năng lực tài chính*

- *Giá trị tài sản ròng của năm tài chính gần nhất:*

+ Tổng giá trị tài sản ròng của các thành viên trong liên danh phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu về giá trị tài sản ròng.

+ Giá trị tài sản ròng của từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu bằng tỷ lệ vốn chủ sở hữu tham gia trong thoả thuận liên danh x (nhân) yêu cầu tối thiểu về giá trị tài sản ròng.

- *Vốn chủ sở hữu:*

+ Tổng vốn chủ sở hữu còn lại của các thành viên trong liên danh phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu về vốn chủ sở hữu.

+ Vốn chủ sở hữu còn lại của từng thành viên liên danh phải đáp ứng yêu cầu tối thiểu bằng tỷ lệ vốn chủ sở hữu tham gia trong thoả thuận liên danh x (nhân) yêu cầu về giá trị vốn chủ sở hữu.

- *Khả năng thu xếp vốn vay:*

+ Tổng vốn vay của các thành viên trong liên danh phải đáp ứng yêu cầu phần vốn vay do Nhà đầu tư phải huy động.

(b) *Kinh nghiệm của Nhà đầu tư:* Tổng số dự án tương tự sau khi quy đổi chỉ được tính về một dự án có quy mô lớn nhất của Nhà đầu tư hoặc liên danh các Nhà đầu tư.

CHƯƠNG IV. BIỂU MẪU HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

A. Pháp lý

1. Mẫu số 01: Đơn dự HSDX
2. Mẫu số 02: Giấy ủy quyền (nếu có)
3. Mẫu số 03: Thỏa thuận liên danh (nếu có)
4. Mẫu số 04: Thông tin về nhà đầu tư

B. Năng lực và Kinh nghiệm

1. Mẫu số 05: Năng lực tài chính của nhà đầu tư
2. Mẫu số 06: Cam kết nguồn cung cấp tài chính, tín dụng cho nhà đầu tư
3. Mẫu số 07: Kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự
4. Mẫu số 08: Bảo lãnh dự thầu
5. Mẫu số 09: Danh sách đội ngũ nhân sự chủ chốt
6. Mẫu số 10: Lịch sử tranh chấp, khiếu kiện đối với các dự án đã và đang thực hiện
7. Mẫu số 11: Phương pháp tổ chức, kinh doanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

(Địa điểm), ngày ____ tháng ____ năm ____

ĐƠN DỰ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT⁽¹⁾**Kính gửi:** ____ [*Tên chủ rừng*]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ kỹ thuật của dự án: [*Tên dự án cho thuê môi trường rừng*] (sau đây gọi tắt là Bên cho thuê Môi trường rừng) phát hành ngày ____ tháng ____ năm ____ và văn bản sửa đổi hồ sơ kỹ thuật số ngày ____ [*ghi số, ngày của văn bản sửa đổi (nếu có)*], chúng tôi, ____ [*ghi tên nhà đầu tư*] nộp HSDX đối với ____ [*Ghi vị trí, địa điểm thuê môi trường rừng*]. Hồ sơ dự HSDX này được nộp không có điều kiện và ràng buộc kèm theo.

Chúng tôi sẵn sàng cung cấp cho Bên cho thuê Môi trường rừng bất kỳ thông tin bổ sung, làm rõ cần thiết nào khác khi Bên cho thuê Môi trường rừng có yêu cầu.

Chúng tôi cam kết⁽²⁾:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ dự HSDX này với tư cách là nhà đầu tư độc lập, thành viên liên danh.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự dự án này.
5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự HSDX là chính xác, trung thực.
6. Chúng tôi đồng ý và cam kết chịu mọi trách nhiệm liên quan đối với tất cả các nghĩa vụ của nhà đầu tư trong quá trình HSDX.

Hồ sơ dự HSDX này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày⁽³⁾ [*ghi số ngày*], kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____⁽⁴⁾ [*ghi ngày có thời điểm mở HSDX*].

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư⁽⁵⁾[*ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)*]⁽⁶⁾

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư lưu ý ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên cho thuê Môi trường rừng, nhà đầu tư, thời gian có hiệu lực của HSDX.

(2) Trường hợp phát hiện nhà đầu tư vi phạm các cam kết này thì nhà đầu tư bị coi là có hành vi gian lận và HSDX bị loại; đồng thời, nhà đầu tư sẽ bị xử lý vi phạm theo quy định.

(3) Thời gian có hiệu lực của HSĐX được tính kể từ ngày có thời điểm mở HSĐX đến ngày cuối cùng có hiệu lực theo quy định trong HSKT. Từ thời điểm mở HSĐX đến hết 24 giờ của ngày có thời điểm mở HSĐX được tính là 01 ngày.

(4) Ghi ngày có thời điểm mở HSĐX theo quy định tại Mục 16.1 BDL.

(5) Đối với nhà đầu tư độc lập, đơn dự HSĐX phải được đại diện hợp pháp của nhà đầu tư ký tên, đóng dấu. Đối với nhà đầu tư liên danh, đơn dự HSĐX phải được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh hoặc của thành viên đứng đầu liên danh theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có).

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư/thành viên liên danh được xác định theo quy định tại Mục 11 CDNĐT.

(6) Trường hợp nhà đầu tư nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền về việc chữ ký trong đơn dự HSĐX và các tài liệu khác trong HSĐX là của người đại diện hợp pháp của nhà đầu tư.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

(Địa điểm), ngày ____ tháng ____ năm ____

GIẤY ỦY QUYỀN

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà đầu tư] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà đầu tư], bằng văn bản này ủy quyền cho: ____ [ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia nộp hồ sơ đề xuất dự án ____ [ghi tên dự án] do ____ [ghi tên bên cho thuê Môi trường rừng] tổ chức:

[Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc một số công việc sau:

- Ký đơn dự HSDX;
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên cho thuê Môi trường rừng trong quá trình tham gia HSDX, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời HSDX và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ dự HSDX;
- Ký đơn nộp HSDX;
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên cho thuê Môi trường rừng trong quá trình tham gia nộp HSDX, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ cho thuê Môi trường rừng, văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ HSDX;
- Ký các văn bản kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư (nếu có);
- Các công việc khác (ghi rõ nội dung các công việc, nếu có).

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi được ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà đầu tư]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ ⁽¹⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau. Người ủy quyền giữ ____ bản. Người được ủy quyền giữ ____ bản. Đính kèm theo bản gốc của Hồ sơ dự HSDX một (01) bản gốc.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu (nếu có)⁽²⁾]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà đầu tư, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)⁽³⁾]

Ghi chú:

(1) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham HSDX.

(2), (3) Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà đầu tư hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

(Địa điểm), ngày ____ tháng ____ năm ____

THỎA THUẬN LIÊN DANH

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh: ____ *[Ghi tên từng thành viên liên danh]*

- Quốc gia nơi đăng ký hoạt động:

- Mã số thuế:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:

- Fax:

- Email:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

Giấy ủy quyền số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ *(trường hợp được ủy quyền)*.

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia thuê môi trường rừng dự án ____ *[ghi tên dự án]*.

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến dự án là: ____ *[ghi tên của liên danh theo thỏa thuận]*.

Địa chỉ giao dịch của Liên danh:

Điện thoại:

Fax:

Email:

Người đại diện của Liên danh:

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà đầu tư khác để tham gia dự án này.

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện các công việc trong quá trình chuẩn bị HSDX cho dự án như sau:

1. Các bên nhất trí thỏa thuận cho ____ *[ghi tên một thành viên]* là thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh để thực hiện các công việc sau:

[Thành viên đứng đầu liên danh có thể đại diện cho liên danh để thực hiện một hoặc

một số công việc sau:

- Ký đơn dự HSDX;
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên cho thuê Môi trường rừng trong quá trình tham gia HSDX, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ mời HSDX và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ HSDX;
- Ký đơn tham gia HSDX;
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên cho thuê Môi trường rừng trong quá trình tham gia HSDX, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ cho thuê Môi trường rừng, văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ HSDX;
- Ký các văn bản kiến nghị trong lựa chọn nhà đầu tư thuê Môi trường rừng (nếu có);
- Các công việc khác, trừ việc ký kết hợp đồng (ghi rõ nội dung các công việc, nếu có)].

2. Vai trò, trách nhiệm của các thành viên liên danh⁽¹⁾ [ghi cụ thể vai trò, trách nhiệm của từng thành viên liên danh và ghi tỷ lệ phần trăm vốn góp chủ sở hữu trong liên danh]:

TT	Tên thành viên	Vai trò tham gia [Ghi phân công việc mà thành viên đảm nhận (thu xếp tài chính, xây dựng, quản lý, vận hành,...)]	Vốn chủ sở hữu	
			Giá trị	Tỷ lệ %
1	Thành viên 1 [Đứng đầu liên danh]			[tối thiểu 30%]
2	Thành viên 2			[tối thiểu 15%]
3	Thành viên 3			[tối thiểu 15%]
...				
Tổng				100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên thỏa thuận cùng chấm dứt;
 - Có sự thay đổi thành viên liên danh. Trong trường hợp này, nếu sự thay đổi thành viên liên danh được bên cho thuê Môi trường rừng chấp thuận thì các bên phải thành lập thỏa thuận liên danh mới;
 - Liên danh không được lựa chọn cho thuê Môi trường rừng;
 - Hủy việc HSDX dự án theo thông báo của bên cho thuê Môi trường rừng;
 - Hủy việc lựa chọn nhà đầu tư theo thông báo của bên cho thuê Môi trường rừng;

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng dự án.

Thỏa thuận liên danh này được lập thành__ bản gốc, mỗi thành viên liên danh giữ__ bản, nộp kèm theo hồ sơ dự HSĐX 01 bản gốc. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh⁽²⁾

[ghi tên đại diện hợp pháp của từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)⁽³⁾]

Ghi chú:

- (1) Nhà đầu tư phải kê khai vai trò tham gia và tỷ lệ góp vốn chủ sở hữu của từng thành viên liên danh.
- (2) Đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh được xác định theo quy định tại Mục 11 CDNDT.
- (3) Trường hợp thành viên liên danh là nhà đầu tư nước ngoài không có con dấu thì phải cung cấp xác nhận của tổ chức có thẩm quyền về việc chữ ký trong thỏa thuận liên danh là của người đại diện hợp pháp của thành viên liên danh.

THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ

(Địa điểm), ngày__ tháng__ năm__

1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:
2. Quốc gia nơi đăng ký hoạt động của nhà đầu tư:
3. Năm thành lập:
4. Địa chỉ hợp pháp của nhà đầu tư tại quốc gia đăng ký:
5. Thông tin về đại diện hợp pháp của nhà đầu tư:
 - Tên:
 - Địa chỉ:
 - Số điện thoại/fax:
 - Địa chỉ e-mail:
6. Sơ đồ tổ chức của nhà đầu tư.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]*

Ghi chú:

- (1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.
- (2) Nhà đầu tư cần nộp kèm theo bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà đầu tư đang hoạt động cấp.

NĂNG LỰC TÀI CHÍNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ⁽¹⁾**1. Tên nhà đầu tư/thành viên liên danh:****2. Thông tin về năng lực tài chính của nhà đầu tư/thành viên liên danh:****a) Tóm tắt các số liệu về tài chính ⁽²⁾:**

STT	Nội dung	Giá trị
1	Tổng vốn chủ sở hữu	
2	Chi phí liên quan đến kiện tụng (nếu có)	
3	Vốn chủ sở hữu cam kết cho các dự án đang thực hiện và các khoản đầu tư dài hạn khác (nếu có)	
4	Vốn chủ sở hữu phải giữ lại theo quy định	
5	Vốn chủ sở hữu còn lại của nhà đầu tư	(5) = (1)-(2)-(3)-(4)

b) Tài liệu đính kèm⁽³⁾

Đính kèm là tài liệu chứng minh về số liệu tài chính của nhà đầu tư được cập nhật trong khoảng thời gian tối đa 28 ngày trước ngày có thời điểm mở HSDX:

- Bản sao báo cáo tài chính được kiểm toán trong khoảng thời gian 28 ngày trước ngày có thời điểm mở HSDX (nhà đầu tư có thể sử dụng báo cáo tài chính năm, các báo cáo tài chính giữa niên độ, báo cáo tình hình sử dụng vốn chủ sở hữu).

Các báo cáo do nhà đầu tư cung cấp phải bảo đảm tuân thủ các quy định pháp luật về tài chính, kế toán, phản ánh tình hình tài chính riêng của nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà đầu tư liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà đầu tư hoặc thành viên liên danh.

- Trường hợp trong khoảng thời gian 28 ngày trước ngày có thời điểm mở HSDX không trùng với kỳ lập báo cáo tài chính hoặc nhà đầu tư không có báo cáo tài chính được kiểm toán trong thời gian này, nhà đầu tư phải cung cấp báo cáo tài chính được kiểm toán tại thời điểm gần nhất.

Đồng thời, nhà đầu tư phải kê khai và cung cấp tài liệu chứng minh về sự thay đổi trong các số liệu tài chính từ thời điểm có báo cáo kiểm toán đến thời điểm nộp HSDX (ví dụ như các tài liệu chứng minh việc tăng vốn chủ sở hữu). Nhà đầu tư phải chịu trách nhiệm về các thông tin đã kê khai tại HSDX. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai là không chính xác, làm sai lệch kết quả đánh giá thì nhà đầu tư bị coi là gian lận theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại Mục 26 CDNĐT.

- Trường hợp nhà đầu tư là tổ chức mới thành lập trong năm, nhà đầu tư phải nộp báo cáo tài chính đã được đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán từ thời điểm thành lập đến trước ngày có thời điểm mở HSDX tối đa 28 ngày.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]***Ghi chú:**

(1) Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá, bên cho thuê Môi trường rừng bổ sung các thông tin phù hợp.

(3) Căn cứ tiêu chuẩn đánh giá, bên cho thuê Môi trường rừng có thể bổ sung các tài liệu nhà đầu tư phải nộp để chứng minh năng lực tài chính (ví dụ như: biên bản kiểm tra quyết toán thuế, tờ khai tự quyết toán thuế; tài liệu chứng minh việc nhà đầu tư đã kê khai quyết toán thuế điện tử; văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế;...).

**CAM KẾT NGUỒN CUNG CẤP TÀI CHÍNH,
TÍN DỤNG CHO NHÀ ĐẦU TƯ**

(Địa điểm), ngày__ tháng__ năm__

1. Tôi là __[ghi tên], _____[ghi chức vụ], là đại diện hợp pháp của __[Ghi tên nhà đầu tư/tên liên danh nhà đầu tư], xác nhận và cam kết rằng những thông tin được cung cấp trong văn bản này là đúng sự thật và các tài liệu kèm theo là bản sao chính xác với tài liệu gốc.

2. Các nguồn tài chính, tín dụng sau đây đã được cam kết và sẽ được huy động để thực hiện dự án:

Nguồn tài chính	Giá trị⁽¹⁾
I. Vốn chủ sở hữu cam kết góp vào dự án:	
1.	
2.	
...	
II. Vốn vay nhà đầu tư phải huy động:	
1.	
2.	
...	

3. Tài liệu kèm theo:

- Văn bản cam kết cung cấp tài chính của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng kèm theo các tài liệu chứng minh thẩm quyền của người ký cam kết.
- Văn bản cam kết bảo đảm đủ vốn chủ sở hữu theo phương án tài chính cho dự án của đại diện chủ sở hữu, chủ sở hữu hoặc công ty mẹ kèm theo các tài liệu chứng minh về thẩm quyền ký cam kết.
- Tài liệu liên quan khác.

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Ghi số tiền bằng số, bằng chữ theo đồng tiền quy định tại BDL.

KINH NGHIỆM THỰC HIỆN DỰ ÁN TƯƠNG TỰ⁽¹⁾

(Địa điểm), ngày__ tháng__ năm__

[Nhà đầu tư liệt kê kinh nghiệm thực hiện dự án tương tự theo yêu cầu của bên cho thuê Môi trường rừng]

1. Dự án số 01: __[ghi tên dự án]

Tên nhà đầu tư/ tên thành viên liên danh:	
1	Số hợp đồng: Ngày ký:
2	Tên dự án/gói thầu:
3	Hình thức dự án
4	Lĩnh vực đầu tư của dự án
5	Tham gia dự án với vai trò: ☐ Nhà đầu tư đứng đầu liên danh ☐ Nhà đầu tư độc lập ☐ Thành viên liên danh nhà đầu tư ☐ Nhà đầu tư vận hành
6	Tên cơ quan nhà nước có thẩm quyền/đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với dự án); chủ đầu tư/ đại diện chủ đầu tư (đối với gói thầu) Địa chỉ: Tên người liên lạc: Điện thoại: Fax: Email:
7	Thông tin chi tiết
7.1	Trường hợp tham gia thực hiện dự án với vai trò nhà đầu tư
	Tiến độ, chất lượng thực hiện dự án ⁽²⁾ : ☐ Đang trong giai đoạn triển khai dự án, ghi cụ thể nội dung đang triển khai ☐ Đang trong giai đoạn xây dựng, đã hoàn thành % khối lượng công việc theo hợp đồng ☐ Đang trong giai đoạn vận hành ☐ Đã kết thúc
	Tổng vốn đầu tư ⁽³⁾ :
	Tỷ lệ góp vốn (trường hợp nhà đầu tư là liên danh):
	Vốn chủ sở hữu đã được huy động:
	Mô tả ngắn gọn về điểm tương đồng của dự án đã thực hiện này với dự án đang

	lựa chọn nhà đầu tư:
	- Mô tả ngắn gọn về phần công việc đã thực hiện: - Giá trị của (các) phân công việc đã thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương ... VNĐ
	- Mô tả ngắn gọn về phần công việc còn phải thực hiện: - Giá trị của (các) phân công việc còn phải thực hiện: (Giá trị và loại tiền tệ) tương đương ... VNĐ
	Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:
	Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật/hoạt động vận hành:
7.2	Trường hợp tham gia thực hiện dự án với vai trò nhà đầu tư
	Phạm vi công việc nhà đầu tư tham gia thực hiện:
	Giá trị phần công việc nhà đầu tư tham gia thực hiện:
	Tiến độ, chất lượng thực hiện ⁽⁴⁾ :
	Lịch sử tranh chấp, kiện tụng:
	Mô tả tóm tắt về các yêu cầu đặc biệt về kỹ thuật:

2. Dự án số 02: __[ghi tên dự án]

Đại diện hợp pháp của nhà đầu tư

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]

Ghi chú:

(1) Bên cho thuê Môi trường rừng có thể điều chỉnh, bổ sung yêu cầu kê khai thông tin tại Mẫu này để phù hợp với tiêu chí đánh giá về kinh nghiệm của nhà đầu tư

(2), (4) Nhà đầu tư phải cung cấp các tài liệu chứng minh các thông tin đã kê khai và tiến độ, chất lượng thực hiện hợp đồng như bản sao công chứng hợp đồng, quyết định phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi, nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền/đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với dự án), chủ đầu tư/đại diện chủ đầu tư (đối với gói thầu)...

(3) Tổng vốn đầu tư bằng tổng mức đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành cộng với vốn lưu động ban đầu để khai thác, vận hành dự án. Đối với những dự án chưa xác định rõ giá trị tổng vốn đầu tư trong các văn bản phê duyệt, hợp đồng dự án, nhà đầu tư phải cung cấp các tài liệu chứng minh để xác định giá trị này.

BẢO LÃNH DỰ THẦU ⁽¹⁾**Bên thụ hưởng:** Ban quản lý Khu BTTN Hoàng Liên Văn Bàn**Ngày phát hành bảo lãnh:** _____ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]**Bảo lãnh dự thầu số:** _____ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]**Bên bảo lãnh:** _____ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng _____ [ghi tên nhà đầu tư theo đúng đơn dự thầu] (sau đây gọi là “Bên yêu cầu bảo lãnh”) sẽ tham gia đấu thầu dự án _____ [ghi tên dự án].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng bảo lãnh cho nhà đầu tư tham gia dự thầu dự án bằng một khoản tiền là _____ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong _____ ⁽²⁾ ngày, kể từ ngày _____ tháng _____ năm _____ ⁽³⁾.Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền với tổng số tiền là _____ [ghi bằng chữ] [ghi bằng số] khi nhận được văn bản thông báo nhà đầu tư vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ ⁽⁴⁾:

1. Nhà đầu tư rút hồ sơ đề xuất sau thời điểm hết hạn tiếp nhận HSDX hoặc trong thời gian có hiệu lực của HSDX;

2. Nhà đầu tư vi phạm pháp luật về đấu thầu theo quy định;

3. Nhà đầu tư không tiến hành hoặc từ chối tiến hành đàm phán, hoàn thiện, ký kết hợp đồng trong thời gian quy định tại Thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng.

Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại CDNĐT của Hồ sơ kỹ thuật thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên liên danh sẽ không được hoàn trả⁽⁵⁾.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà đầu tư từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ đề xuất.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

(2) Ghi theo quy định tại Mục 17.1 **BDL**.(3) Ghi ngày hết hạn tiếp nhận HSDX theo quy định tại Mục 21.1 **BDL**.

(4) Trường hợp nội dung thư bảo lãnh liệt kê thiếu một trong các hành vi vi phạm thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho bên mời thầu theo quy định tại CDNĐT.

(5) Áp dụng trong trường hợp nhà đầu tư liên danh.

DANH SÁCH ĐỘI NGŨ NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

STT	Vị trí công việc	Số CCCD	Trình độ chuyên môn	Số năm kinh nghiệm
1				
2				
...				
n				

LỊCH SỬ TRANH CHẤP, KHIẾU KIỆN ĐỐI VỚI CÁC DỰ ÁN ĐÃ VÀ ĐANG THỰC HIỆN⁽¹⁾

Tên nhà đầu tư: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà đầu tư liên danh (nếu có): _____

Các vụ tranh chấp, khiếu kiện đối với các dự án đã và đang thực hiện				
Chọn một trong các thông tin mô tả dưới đây: ☐ Không có tranh chấp, khiếu kiện đối với các dự án đã và đang thực hiện. ☐ Dưới đây là mô tả về các vụ tranh chấp, khiếu kiện đối với các dự án đã và đang thực hiện mà nhà đầu tư là một bên đương sự (hoặc mỗi thành viên của liên danh nếu là nhà đầu tư liên danh).				
Năm	Mô tả dự án	Vấn đề tranh chấp, khiếu kiện	Giá trị tranh chấp, khiếu kiện ⁽²⁾	Tỷ lệ tương ứng với vốn chủ sở hữu
	Mô tả dự án: _____ Tên cơ quan có thẩm quyền: _____ Tên cơ quan ký kết hợp đồng (nếu có): _____ Địa chỉ: _____			

Ghi chú:

(1) Nhà đầu tư bảo đảm việc kê khai nội dung này là đầy đủ và trung thực, nếu Bên mời thầu phát hiện bất cứ nhà đầu tư nào đang có các vụ kiện tụng mà không kê khai thì được coi là hành vi gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và HSDX sẽ bị loại. Trường hợp sau khi có kết quả giải quyết tranh chấp dẫn đến vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư không đáp ứng yêu cầu để thực hiện dự án thì nhà đầu tư phải cập nhật vốn chủ sở hữu để chứng minh đáp ứng yêu cầu thực hiện dự án theo HSKT, nếu nhà đầu tư vẫn không đáp ứng sẽ bị loại.

Trường hợp nhà đầu tư liên danh thì từng thành viên của nhà đầu tư liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Đồng tiền là Việt Nam đồng.

PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC, KINH DOANH

Nhà đầu tư chuẩn bị phương pháp tổ chức, kinh doanh dự án bao gồm nhưng không giới hạn nội dung theo yêu cầu của chương III, chương IV:

+ Hiện trạng tài nguyên dự án: Địa giới, Cao độ, Nhiệt độ, Đất đai, Thảm thực vật, Hệ sinh thái, Động vật, HTKT hiện trạng,...

+ Phương án tổ chức, kinh doanh: Mục đích tổ chức; Vị trí, diện tích bố trí; Hiện trạng bố trí; Có bản vẽ minh họa; Đề xuất vật liệu; Đề xuất bản đồ hiện trạng; Đề xuất bản đồ quy hoạch;....

+ Phương án đầu tư tài chính: Đề xuất tổng mức; Đề xuất doanh thu; Đề xuất giá thuê (khi có doanh thu); Đề xuất giá thuê (khi không có doanh thu);.....

+ Phương án xử lý tài sản sau khi hết thời gian thuê

+ Cam kết thời gian thực hiện và khai thác

+ Đề xuất quản lý, bảo vệ rừng

PHẦN 2. YÊU CẦU THỰC HIỆN DỰ ÁN

I. Nhà đầu tư sau khi tìm hiểu nghiên cứu dự án sẽ tham dự HSDX phải thuyết minh được những nội dung chính như sau:

1. Hiện trạng tài nguyên thiên nhiên; tài nguyên du lịch
2. Các loại sản phẩm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.
3. Phương án phát triển các tuyến, địa điểm tổ chức du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.
4. Địa điểm, quy mô xây dựng, vật liệu xây dựng, cấu trúc các công trình xây dựng phục vụ du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí.
5. Các loại bản đồ theo hệ quy chiếu VN2000, gồm: bản đồ hiện trạng tài nguyên thiên nhiên, du lịch trong phạm vi khu vực lập dự án; bản đồ quy hoạch các tuyến, điểm du lịch, tổ chức không gian kiến trúc và hạ tầng du lịch của khu rừng.
6. Giải pháp bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng
7. Giải pháp phát triển rừng
8. Giải pháp bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường và duy trì các chức năng của rừng
9. Nguồn vốn thực hiện dự án
 - 9.1. Nguồn vốn
 - 9.2. Tính toán chi phí
10. Phương án kinh doanh
 - 10.1. Mục tiêu
 - 10.2. Sản phẩm và dịch vụ
 - 10.3. Định hướng phát triển thị trường
 - 10.4. Phương án tài chính
105. Giá thuê môi trường rừng
11. Hiệu quả kinh tế, xã hội
12. Tổ chức thực hiện
13. Kết luận và kiến nghị

II. Tổ chức lựa chọn nhà đầu tư

1. Đối tượng tham gia mời HSDX

Doanh nghiệp đã hoặc đang tham gia quản lý, khai thác, vận hành mô hình du lịch sinh thái tại các địa phương trên phạm vi cả nước hoặc Doanh nghiệp có tư cách pháp nhân, có giấy phép đăng ký kinh doanh hành nghề có nội dung liên quan đến quản lý, khai thác, vận hành du lịch, lữ hành hoặc Doanh nghiệp có đầy đủ năng lực theo yêu cầu để thực hiện dự án.

2. Điều kiện tham gia dự HSDX của nhà đầu tư

Sau khi mở HSDX, đơn vị tư vấn sẽ đánh giá HSDX và chấm điểm của nhà đầu tư, đơn vị tư vấn báo cáo Bên cho thuê MTR kết quả nhà đầu tư có điểm số cao nhất và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thuê Môi trường rừng và tiếp tục triển khai thực hiện các thủ tục tiếp theo theo quy định hiện hành.